

Thông Tin Chi Tiết Về Quyền Lợi Nha Khoa

2026

Tài liệu này cung cấp thêm thông tin chi tiết về quyền lợi nha khoa bổ sung được bao trả trong chương trình của chúng tôi. Để biết thêm thông tin về tài liệu này hoặc quyền lợi nha khoa của quý vị, vui lòng liên hệ với Bộ Phận Dịch Vụ Hội Viên theo số điện thoại hoặc địa chỉ web được trình bày trên mặt sau của *Chứng Từ Bảo Hiểm* hoặc trên thẻ ID Thành viên của quý vị.

Thông Tin Chi Tiết Về Quyền Lợi Nha Khoa áp dụng cho các gói quyền lợi chương trình được trình bày dưới đây. Gói quyền lợi chương trình này có trên mặt sau của *Chứng Từ Bảo Hiểm*, ở góc dưới bên phải.

Tiểu bang	Gói Quyền Lợi Chương Trình	Tên Chương Trình
HI	H9916001000	Wellcare 'Ohana Dual Align (HMO-POS D-SNP)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:

'Ohana Health Plan, một chương trình do WellCare Health Insurance of Arizona, Inc. cung cấp.

Vui lòng liên hệ với chương trình của quý vị để biết thêm chi tiết.

Bản tóm tắt này là bản mô tả ngắn gọn về quyền lợi nha khoa của hội viên Hawaii Dental Service (HDS). Có thể áp dụng một số giới hạn, hạn chế và loại trừ. Quyền lợi của chương trình được chi phối bởi các điều khoản được nêu chi tiết trong thỏa thuận của Wellcare By 'Ohana Health Plan với HDS, Hướng Dẫn Mã Quy Trình của HDS và Chính Sách Quốc Gia của Delta Dental khi có. Một số điều khoản có thể khác nhau giữa các thỏa thuận như thời gian chờ, tần suất và giới hạn độ tuổi, v.v. và có thể không được bao gồm trong bản tóm tắt này. Vui lòng liên lạc với Dịch Vụ Khách Hàng của HDS để biết thêm thông tin.

Quý vị phải nhận dịch vụ từ nha sĩ thuộc Mạng Lưới HDS Medicare Advantage để HDS thanh toán cho các quyền lợi được bao trả được liệt kê dưới đây trong bảng. Nếu quý vị nhận dịch vụ từ một nha sĩ không tham gia vào mạng lưới HDS Medicare Advantage, các dịch vụ này không được chương trình bao trả và quý vị sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí của dịch vụ.

Để biết danh sách nha sĩ trong mạng lưới, hãy xem Danh Mục Nhà Cung Cấp, truy cập hawaiidentalsservice.com hoặc gọi cho bộ phận dịch vụ khách hàng HDS theo số 529-9248 hoặc số điện thoại miễn phí 1-844-379-4325 (từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, 8 sáng đến 8 tối).

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
Các Dịch Vụ Chẩn Đoán (Phòng Ngừa)		
D0460	Xét Nghiệm Tình Trạng Khỏe Mạnh Của Tủy Răng	1 lần/lần thăm khám
D0472	Tiếp cận mô, khám tổng quát, chuẩn bị và báo cáo	1 lần/vị trí vào cùng ngày nhận dịch vụ và cùng phòng khám nha khoa
D0473	Tiếp cận mô, kiểm tra tổng thể/vi mô, báo cáo	1 lần/vị trí vào cùng ngày nhận dịch vụ và cùng phòng khám nha khoa
D0474	Tiếp cận mô, kiểm tra tổng thể/vi mô, báo cáo	1 lần/vị trí vào cùng ngày nhận dịch vụ và cùng phòng khám nha khoa
D0480	Tiếp cận các xét nghiệm tế bào học tẩy tế bào chết	Không giới hạn
D0484	Tư vấn về các slide được chuẩn bị ở nơi khác	Nếu đủ điều kiện

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D0999	Thủ thuật chẩn đoán không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
Các Dịch Vụ Toàn Diện		
D2390	Mão răng bằng nhựa tổng hợp, răng phía trước	1 lần/bề mặt/răng/2 năm
D2542	Trám onlay, kim loại, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D2543	Trám onlay, kim loại, ba mặt	1 lần/răng/7 năm
D2544	Trám onlay, kim loại, bốn mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D2642	Trám onlay, làm bằng sứ/gốm, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D2643	Trám onlay, làm bằng sứ/gốm, ba mặt	1 lần/răng/7 năm
D2644	Trám onlay, làm bằng sứ/gốm, bốn mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D2662	Trám onlay, bằng nhựa tổng hợp, hai bề mặt của răng	1 lần/răng/7 năm
D2663	Trám onlay, bằng nhựa tổng hợp, ba bề mặt của răng	1 lần/răng/7 năm
D2664	Trám onlay, bằng nhựa tổng hợp, bốn bề mặt của răng trở lên	1 lần/răng/7 năm
D2710	Mão răng, nhựa tổng hợp (gián tiếp)	1 lần/răng/7 năm
D2712	Mão răng, $\frac{3}{4}$ nhựa tổng hợp (gián tiếp)	1 lần/răng/7 năm
D2720	Mão răng - nhựa tổng hợp (gián tiếp)	1 lần/răng/7 năm
D2721	Mão răng, nhựa với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D2722	Mão răng, nhựa với kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D2740	Mão răng, sứ/gốm	1 lần/răng/7 năm
D2750	Mão răng - sứ bọc ngoài kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D2751	Mão răng, sứ bọc ngoài của phần chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D2752	Mão răng, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D2753	Mão răng, sứ kết hợp với hợp kim titan	1 lần/răng/7 năm
D2780	Mão răng - $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D2781	Mão răng, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D2782	Mão răng, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D2783	Mão răng, $\frac{3}{4}$ sứ/gốm	1 lần/răng/7 năm
D2790	Mão răng - toàn phần mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D2791	Mão răng, toàn phần mẫu đúc với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D2792	Mão răng, toàn phần mẫu đúc bằng kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D2794	Mão răng - titanium	1 lần/răng/7 năm
D2915	Trám lại hoặc gắn kết lại chốt & cùi răng làm sẵn/ đúc trực tiếp	Sau 6 tháng, sau đó 1 lần/năm
D2921	Gắn lại mảnh vỡ răng tại cạnh cắn hoặc múi răng của nhóm răng trước	1 lần/2 năm
D2928	Mão răng bằng sứ/gốm đúc sẵn	1 lần/2 năm
D2932	Mão răng bằng nhựa làm sẵn	1 lần/2 năm
D2940	Đặt phục hình trực tiếp tạm thời	1 lần/2 năm
D2955	Lấy trụ ra	Nếu đủ điều kiện
D2971	Thủ thuật bổ sung để tùy chỉnh mão răng cho phù hợp với khung hàm giả bán phần hiện có	Nếu đủ điều kiện
D2980	Sửa chữa mão răng bắt buộc do hỏng vật liệu phục hình	6 tháng sau khi đặt ban đầu, sau đó 1 lần/năm
D2981	Sửa chữa miếng trám inlay bắt buộc do hỏng vật liệu phục hình	6 tháng sau khi đặt ban đầu, sau đó 1 lần/năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D2982	Sửa chữa miếng trám onlay bắt buộc do hỏng vật liệu phục hình	6 tháng sau khi đặt ban đầu, sau đó 1 lần/năm
D2983	Sửa chữa đệm răng bắt buộc do hỏng vật liệu phục hình	6 tháng sau khi đặt ban đầu, sau đó 1 lần/năm
D2999	Thủ thuật phục hồi không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D3110	Chụp tủy, trực tiếp (không bao gồm khôi phục cuối cùng)	Nếu đủ điều kiện
D3120	Chụp tủy, gián tiếp (không bao gồm khôi phục cuối cùng)	Nếu đủ điều kiện
D3220	Điều trị lấy tủy (không bao gồm khôi phục cuối cùng)	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3221	Loại bỏ mô tủy bị tổn thương cho răng sữa và răng vĩnh viễn	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3222	Lấy tủy buồng một phần nhằm kích thích tạo chóp cho răng vĩnh viễn có chân răng chưa hoàn thiện	Nếu đủ điều kiện
D3230	Điều trị tủy, răng phía trước, răng sữa (ngoại trừ phục hồi cuối cùng)	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3240	Điều trị tủy, răng phía sau, răng sữa (ngoại trừ phục hồi cuối cùng)	Nếu đủ điều kiện
D3310	Điều trị nội nha, răng phía trước (ngoại trừ phục hồi cuối cùng)	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3320	Điều trị nội nha, răng tiền hàm (ngoại trừ phục hồi cuối cùng)	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3331	Điều trị tắc nghẽn ống tủy chân răng; tiếp cận không phẫu thuật	Nếu đủ điều kiện
D3332	Liệu pháp nội nha không hoàn chỉnh; răng bị gãy, không thể phẫu thuật, không thể phục hồi	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3333	Sửa chữa lỗ thủng chân răng bằng cách tiếp cận từ bên trong	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3346	Tái điều trị cho liệu pháp khoang tủy răng trước đây, răng trước	1 lần/răng/2 năm
D3347	Tái điều trị cho liệu pháp khoang tủy răng trước đây, răng tiền hàm	1 lần/răng/2 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D3348	Tái điều trị cho liệu pháp khoang tủy răng trước đây, răng hàm	1 lần/răng/2 năm
D3351	Trị liệu bằng phương pháp đóng chóp/vôi hóa, khám lần đầu	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3352	Trị liệu bằng phương pháp đóng chóp/vôi hóa, thay thuốc tạm thời	Nếu đủ điều kiện
D3353	Trị liệu bằng phương pháp đóng chóp/vôi hóa, khám lần cuối	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3410	Giải phẫu cắt chóp răng, phía trước	1 lần/2 năm
D3421	Giải phẫu cắt chóp răng, răng tiền hàm (chân răng đầu tiên)	1 lần/2 năm
D3425	Giải phẫu cắt chóp răng, răng hàm (chân răng đầu tiên)	1 lần/2 năm
D3426	Giải phẫu cắt chóp răng, (thêm mỗi chân răng)	1 lần/2 năm
D3430	Trám nghịch, mỗi chân răng	1 lần/2 năm
D3450	Cắt bỏ chân răng, mỗi chân răng	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3471	Phẫu thuật phục hồi chân răng - răng cửa	1 lần/2 năm
D3472	Phẫu thuật phục hồi chân răng - răng tiền hàm	1 lần/2 năm
D3473	Phẫu thuật phục hồi chân răng - răng hàm	1 lần/2 năm
D3501	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng trên răng trước, không bao gồm cắt chóp hoặc sửa chữa tiêu chân răng	Nếu đủ điều kiện
D3502	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng ở răng tiền hàm, không bao gồm cắt chóp hoặc sửa chữa tiêu chân răng	Nếu đủ điều kiện
D3503	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng ở răng hàm, không bao gồm cắt chóp hoặc sửa chữa tiêu chân răng	Nếu đủ điều kiện
D3920	Cắt bỏ nửa phần, không bao gồm việc trị liệu ống tủy chân răng	Nếu đủ điều kiện
D3921	Thủ thuật cắt chỏm hoặc hạ thấp/chôn vùi một răng đã mọc	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D3999	Thủ thuật nội nha không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D4210	Thủ thuật cắt bỏ mô lợi hoặc thủ thuật mở rộng nướu, bốn răng hoặc nhiều hơn trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D4211	Thủ thuật cắt bỏ mô lợi hoặc thủ thuật mở rộng nướu, một đến ba răng trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm
D4212	Thủ thuật cắt bỏ mô lợi hoặc thủ thuật mở rộng nướu nhằm mở đường cho thủ thuật phục hồi, mỗi răng	1 lần/răng/3 năm
D4240	Thủ thuật ghép vạt nướu, từ bốn răng trở lên trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm
D4241	Thủ tục ghép vạt nướu, từ một đến ba răng trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm
D4249	Kéo dài mào răng lâm sàng, mô cứng	1 lần/răng
D4260	Giải phẫu xương, bốn răng hoặc nhiều hơn trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm
D4261	Giải phẫu xương, một đến ba răng trên mỗi cung phần tư hàm	1 lần/cung phần tư hàm/3 năm
D4263	Ghép xương thay thế, giữ lại răng tự nhiên, vị trí đầu tiên, cung phần tư hàm	1 lần/vị trí/3 năm
D4264	Ghép xương thay thế, giữ lại răng tự nhiên, mỗi vị trí bổ sung	1 lần/vị trí/3 năm
D4265	Vật liệu sinh học để hỗ trợ tái tạo mô mềm và xương cho mỗi vị trí	1 lần/vị trí/3 năm
D4266	Tái tạo mô có hướng dẫn bằng màng chắn tự tiêu, tính phí trên mỗi vị trí điều trị	1 lần/vị trí/3 năm
D4267	Tái tạo mô có hướng dẫn bằng màng chắn không tự tiêu, tính phí trên mỗi vị trí điều trị	1 lần/vị trí/3 năm
D4273	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, răng đầu tiên	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm
D4275	Ghép mô liên kết không tự thân, răng đầu tiên	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm
D4277	Ghép mô mềm miễn phí, răng đầu tiên	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm
D4278	Ghép mô mềm miễn phí, mỗi răng bổ sung	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm
D4283	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, mỗi răng bổ sung, mỗi vị trí	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm
D4285	Thủ thuật ghép mô liên kết không tự thân, mỗi răng bổ sung, mỗi vị trí	1 lần/răng (2 răng/cung phần tư hàm)/3 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D4346	Cạo vôi răng khi có chứng viêm trung bình hoặc nặng, toàn hàm sau khi đánh giá	2 lần/năm theo lịch
D4920	Thay băng không hẹn trước (bởi nha sĩ hoặc kíp điều trị)	1 lần/nha sĩ/phòng khám nha khoa
D4999	Thủ thuật nha chu không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D5211	Một phần răng giả hàm trên, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5212	Một phần răng giả hàm dưới, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5213	Một phần hàm răng giả hàm trên, mẫu đúc khuôn kim loại, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5214	Một phần hàm răng giả hàm dưới, mẫu đúc khuôn kim loại, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5221	Răng giả một phần trực tiếp hàm trên, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5222	Răng giả một phần trực tiếp hàm dưới, đế bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5223	Răng giả một phần trực tiếp hàm trên, mẫu đúc khuôn kim loại, đế răng giả bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5224	Răng giả một phần trực tiếp hàm dưới, mẫu đúc khuôn kim loại, đế răng giả bằng nhựa	1 lần/hàm giả/5 năm
D5225	Một phần răng giả hàm trên, đế dẻo	1 lần/hàm giả/5 năm
D5226	Một phần răng giả hàm dưới, đế dẻo	1 lần/hàm giả/5 năm
D5227	Hàm giả tháo lắp bán phần hàm trên ngay lập tức - đế dẻo (bao gồm móc, gờ tựa và răng giả)	1 lần/hàm giả/5 năm
D5228	Hàm giả tháo lắp bán phần hàm dưới ngay lập tức - đế dẻo (bao gồm móc, gờ tựa và răng giả)	1 lần/hàm giả/5 năm
D5282	Một phần hàm giả một bên tháo ra được, mẫu đúc nguyên khối, hàm trên	1 lần/hàm giả/5 năm
D5283	Một phần hàm giả một bên tháo ra được, mẫu đúc nguyên khối, hàm dưới	1 lần/hàm giả/5 năm
D5284	Hàm giả tháo lắp bán phần một bên, đế dẻo, tính trên mỗi phần tư cung hàm	1 lần/hàm giả/5 năm
D5286	Hàm giả tháo lắp bán phần một bên, với nền hàm bằng nhựa, tính trên mỗi phần tư cung hàm	1 lần/hàm giả/5 năm
D5621	Sửa chữa khung sườn đúc của hàm giả tháo lắp bán phần hàm dưới	1 lần/thủ thuật/6 tháng, 6 tháng sau khi giao

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D5622	Sửa chữa khung sườn đúc của hàm giả tháo lắp bán phần, hàm trên	1 lần/thủ thuật/6 tháng, 6 tháng sau khi giao
D5630	Sửa hoặc thay móc giữ bị gãy, mỗi răng	1 lần/răng/6 tháng, 6 tháng sau khi giao
D5670	Thay tất cả răng và acrylic trên khung kim loại đúc, hàm trên	1 lần/hàm giả bán phần/2 năm, 6 tháng sau khi giao hàm trả
D5671	Thay tất cả răng & acrylic trên khung kim loại đúc, hàm dưới	1 lần/hàm giả bán phần/2 năm, 6 tháng sau khi giao hàm trả
D5725	Làm lại nền cho phục hình lại	1 lần/hàm giả bán phần/2 năm, 6 tháng sau khi giao hàm trả
D5765	Lót mềm cho hàm giả toàn phần hoặc bán phần tháo lắp theo phương pháp gián tiếp	1 lần/cung hàm/2 năm, 6 tháng sau khi giao
D5850	Chữa mô răng miệng, hàm trên	2 lần/hàm giả trước khi đặt
D5851	Chữa mô răng miệng, hàm dưới	2 lần/hàm giả trước khi đặt
D5863	Hàm giả tháo lắp toàn phần được nâng đỡ, hàm trên	1 lần/hàm giả/5 năm
D5864	Hàm giả tháo lắp bán phần được nâng đỡ, hàm trên	1 lần/hàm giả/5 năm
D5865	Hàm giả tháo lắp toàn phần được nâng đỡ, hàm dưới	1 lần/hàm giả/5 năm
D5866	Hàm giả tháo lắp bán phần được nâng đỡ, hàm dưới	1 lần/hàm giả/5 năm
D5899	Thủ thuật răng giả tháo lắp không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D6205	Làm răng giả bằng vật liệu composite nền resin theo phương pháp gián tiếp	1 lần/răng/7 năm
D6210	Cầu răng, mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D6211	Cầu răng, mẫu đúc với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6212	Cầu răng, mẫu đúc bằng kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6214	Cầu răng - titanium	1 lần/răng/7 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D6240	Cầu răng - sứ bọc ngoài kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D6241	Cầu răng, sứ bọc ngoài phần chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6242	Cầu răng, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6243	Răng thay thế - bằng sứ kết hợp với titan và hợp kim titan	1 lần/răng/7 năm
D6245	Răng thay thế, sứ/gốm	1 lần/răng/7 năm
D6250	Cầu răng - nhựa với kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D6251	Cầu răng, nhựa với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6252	Cầu răng, nhựa với kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6253	Răng giả tạm thời - điều trị thêm hoặc hoàn thành chẩn đoán cần thiết trước lần khám cuối cùng	1 lần/răng/7 năm
D6545	Hàm giữ răng, mẫu đúc kim loại dành cho răng giả cố định gắn vào nhựa	1 lần/răng/7 năm
D6548	Bộ phận giả cố định gắn kết bằng nhựa, sứ/gốm, hàm duy trì	1 lần/răng/7 năm
D6549	Hàm giữ răng, dành cho răng giả cố định gắn vào nhựa	1 lần/răng/7 năm
D6600	Trám inlay, sứ/gốm, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6601	Trám inlay, sứ/gốm, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6602	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại rất quý, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6603	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại rất quý, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6604	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại cơ bản, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6605	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại cơ bản, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6606	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại quý, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6607	Trám inlay với hàm duy trì, đúc kim loại quý, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6608	Trám onlay với hàm duy trì, sứ/gốm, hai mặt	1 lần/răng/7 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D6609	Trám onlay với hàm duy trì, sứ/gốm, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6610	Trám onlay với hàm duy trì - đúc kim loại rất quý, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6611	Trám onlay với hàm duy trì - đúc kim loại rất quý, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6612	Trám onlay với hàm duy trì, đúc kim loại cơ bản, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6613	Trám onlay với hàm duy trì, đúc kim loại cơ bản, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6614	Trám onlay với hàm duy trì, đúc kim loại quý, hai mặt	1 lần/răng/7 năm
D6615	Trám onlay với hàm duy trì, đúc kim loại quý, ba mặt trở lên	1 lần/răng/7 năm
D6710	Mão răng hàm duy trì, nhựa tổng hợp gián tiếp	1 lần/răng/7 năm
D6720	Mão răng hàm duy trì - nhựa với kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D6721	Mão răng hàm duy trì, nhựa với chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6722	Mão răng hàm duy trì, nhựa với kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6740	Mão răng hàm duy trì, sứ/gốm	1 lần/răng/7 năm
D6750	Mão Răng - Sứ Bọc Ngoài Kim Loại Rất Quý	1 lần/răng/7 năm
D6751	Mão răng hàm duy trì, sứ bọc ngoài phần chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6752	Mão răng hàm duy trì, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6753	Mão răng hàm duy trì - bằng sứ kết hợp với titan và hợp kim titan	1 lần/răng/7 năm
D6780	Mão răng hàm duy trì - $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm
D6781	Mão răng hàm duy trì, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6782	Mão răng hàm duy trì, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6783	Mão răng hàm duy trì, $\frac{3}{4}$ sứ/gốm	1 lần/răng/7 năm
D6790	Mão răng hàm duy trì - toàn bộ mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 lần/răng/7 năm

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D6791	Mão răng hàm duy trì, toàn bộ mẫu đúc chủ yếu là kim loại thường	1 lần/răng/7 năm
D6792	Mão răng hàm duy trì, toàn bộ mẫu đúc bằng kim loại quý	1 lần/răng/7 năm
D6794	Mão răng hàm duy trì - titanium	1 lần/răng/7 năm
D6930	Trám lại hoặc gắn kết lại hàm giả một phần cố định	Sau 6 tháng, sau đó 1 lần/năm
D6980	Sửa chữa một phần hàm răng giả cố định, do hỏng vật liệu phục hình	Sau 6 tháng, sau đó 1 lần/năm
D6999	Thủ thuật răng giả cố định không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D7111	Nhổ răng, phần răng còn lại trên nướu, răng sữa	Nếu đủ điều kiện
D7251	Phẫu thuật cắt bỏ phế quản - cố ý nhổ một phần răng	1 lần/răng (17, 32)/trong suốt cuộc đời
D7261	Đóng kín ban đầu lỗ thủng xoang	Nếu đủ điều kiện
D7283	Đặt Khí Cụ Nhằm Hỗ Trợ Răng Ngầm Mọc Lên Khỏi Nướu	Nếu đủ điều kiện
D7290	Giải phẫu định vị răng trở lại	1 lần/răng/trong suốt cuộc đời
D7291	Thủ thuật cắt xơ xuyên vách hoặc trên mào xương ổ; theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D7413	Cắt bỏ tổn thương ác tính, tối đa 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7414	Cắt bỏ tổn thương ác tính, lớn hơn 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7440	Cắt bỏ khối u ác tính, tối đa 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7441	Cắt bỏ khối u ác tính, lớn hơn 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7450	Cắt bỏ u nang/khối u lành tính do răng, tối đa 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7451	Cắt bỏ u nang/khối u lành tính do răng, lớn hơn 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7460	Cắt bỏ u nang/khối u lành tính không phải do răng, tối đa 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện
D7461	Cắt bỏ u nang/khối u lành tính không do răng, lớn hơn 1.25 cm	Nếu đủ điều kiện

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D7465	Tiêu hủy (các) tổn thương bằng phương pháp vật lý hoặc hóa học, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D7471	Cắt bỏ lõi xương hai bên, hàm trên hoặc hàm dưới	Nếu đủ điều kiện
D7472	Loại bỏ u xương vòm miệng	Nếu đủ điều kiện
D7473	Cắt bỏ phần lõi cầu hàm dưới	Nếu đủ điều kiện
D7485	Giảm chứng cứng mạc xương	Nếu đủ điều kiện
D7511	Rạch và dẫn lưu áp-xe, mô mềm trong miệng, phức tạp	Nếu đủ điều kiện
D7520	Rạch và dẫn lưu áp-xe, mô mềm ngoài miệng	Nếu đủ điều kiện
D7521	Rạch và dẫn lưu áp-xe, mô mềm ngoài miệng, phức tạp	Nếu đủ điều kiện
D7530	Loại bỏ dị vật, niêm mạc, da, mô	Nếu đủ điều kiện
D7540	Loại bỏ vật thể lạ gây phản ứng trong hệ thống cơ xương	Nếu đủ điều kiện
D7953	Ghép xương thay thế để bảo tồn xương sống - theo từng vị trí	1 lần/vị trí/2 năm
D7961	Phẫu thuật cắt bỏ/tạo hình xương hàm trên	Nếu đủ điều kiện
D7962	Phẫu thuật cắt bỏ/tạo hình xương hàm dưới	Nếu đủ điều kiện
D7963	Tạo hình tủy	Nếu đủ điều kiện
D7972	Phẫu Thuật Giảm U Xơ Tử Cung	Nếu đủ điều kiện
D7999	Thủ thuật phẫu thuật răng miệng không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện
D9120	Cắt Hoặc Tách Một Phần Của Cầu Răng Cố Định	1 lần/hàm giả bán phần cố định
D9222	Gây mê sâu/gây mê toàn thân, tính theo đơn vị 15 phút đầu tiên của dịch vụ	Tối đa 4
D9223	Gây mê Sâu/gây mê toàn thân, tính theo đơn vị 15 phút tiếp theo của dịch vụ	Tối đa 4
D9430	Khám tại văn phòng, theo dõi, giờ làm việc, không phải các dịch vụ khác	Nếu đủ điều kiện
D9610	Thuốc Điều Trị Qua Đường Tiêm, Dùng Một Lần	Nếu đủ điều kiện

Mã số	Mô Tả Mã	Định kỳ
D9612	Thuốc điều trị ngoài đường tiêu hóa, hai lần dùng trở lên, các loại thuốc khác nhau.	Nếu đủ điều kiện
D9930	Điều trị biến chứng, sau phẫu thuật, bất thường, theo báo cáo	1 lần/nha sĩ/phòng khám nha khoa, nếu không phải là nha sĩ điều trị
D9944	Bảo vệ mặt cắn, khí cụ cứng, toàn hàm	1 lần/5 năm
D9945	Bảo vệ mặt cắn, thiết bị mềm, toàn hàm	1 lần/5 năm
D9946	Bảo vệ mặt cắn, thiết bị cứng, một phần vòm	1 lần/5 năm
D9951	Điều chỉnh khớp cắn, hạn chế	1 lần/2 năm
D9999	Thủ thuật bổ trợ không xác định, theo báo cáo	Nếu đủ điều kiện

Trang này được để trống có chủ ý.

Trang này được để trống có chủ ý.